

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ BÌNH SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 716 /QĐ-UBND

Bình Sơn, ngày 7 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH SƠN**

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ nghị định 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ thông tư 343/2016/TT - BTC của bộ tài chính hướng dẫn công khai ngân sách Nhà Nước đối với các cấp ngân sách.

**QUYẾT ĐỊNH:**

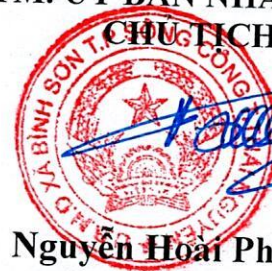
**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách xã Bình Sơn năm 2022( Theo các biểu đính kèm) thời gian niêm yết 30 ngày.

**Điều 2.** Văn phòng UBND, Ban tài chính, các ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân TP;
- Phòng Tài chính TP;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Các xóm;
- Lưu: VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoài Phương

Tỉnh: Thái Nguyên  
Thành phố Sông Công  
Xã Bình Sơn

Biểu số: 116/CKTC - NSNN

**BIỂU CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**

(ĐT đã được Hội đồng nhân dân quyết định)



Đơn vị: đồng

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
<b>Tổng số thu</b>	<b>17.917.098.679</b>	<b>Tổng số chi</b>	<b>17.907.415.613</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	2.000.213.040	I. Chi đầu tư phát triển	9.271.013.182
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	373.874.696	II. Chi thường xuyên	8.294.248.622
III. Thu bổ sung	15.346.520.204	III. Chi chuyên nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	271.498.203
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.868.000.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	70.655.606
- Bổ sung có mục tiêu	9.478.520.204		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	36.366.998		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	160.123.741		
VII. Thu đóng góp của nhân dân XD CSHT	2.287.819.400		
<b>Kết dư ngân sách</b>	<b>9.683.066</b>		

Tỉnh: Thái Nguyên  
 Thành phố Sông Công  
 Xã Bình Sơn

Biểu số 117/CK TC - NSNN

**TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
<b>Tổng thu</b>	<b>18.530.752.543</b>	<b>17.795.752.543</b>	<b>19.546.736.713</b>	<b>17.917.098.679</b>	<b>105,48</b>	<b>100,68</b>
<b>A. Thu ngân sách xã đã qua Kho bạc</b>	<b>18.530.752.543</b>	<b>17.795.752.543</b>	<b>19.546.736.713</b>	<b>17.917.098.679</b>	<b>105,48</b>	<b>100,68</b>
<b>I. Các khoản thu 100%</b>	<b>2.055.108.598</b>	<b>2.055.108.598</b>	<b>2.036.580.038</b>	<b>2.036.580.038</b>	<b>99,10</b>	<b>99,10</b>
1. Phí, lệ phí	78.000.000	78.000.000	58.979.000	58.979.000	75,61	75,61
2. Thu từ quỹ đất công ích và đất công						
3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4. Đóng góp của nhân dân theo quy định						
5. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước	1.874.741.600	1.874.741.600	1.874.741.600	1.874.741.600		
6. Thu kết dư ngân sách năm trước	36.366.998	36.366.998	36.366.998	36.366.998		
7. Thu khác	66.000.000	66.000.000	66.492.440	66.492.440	100,75	100,75
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>969.000.000</b>	<b>234.000.000</b>	<b>2.003.512.730</b>	<b>373.874.696</b>	<b>206,76</b>	
Các khoản thu phân chia (1)						
1. Thuế thu nhập cá nhân	569.000.000		1.338.679.012		235,27	
2. Thuế nhà đất						
3. Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
4. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
5. Lệ phí trước bạ nhà, đất	150.000.000	75.000.000	371.937.299	183.772.358	247,96	245,03
6. Thuế sử dụng Đất phi nông nghiệp	170.000.000	119.000.000	224.252.096	156.976.471	131,91	131,91
7. Thuế Giá trị gia tăng	80.000.000	40.000.000	68.644.323	32.125.867	85,81	80,31
8. Thuế thu nhập doanh nghiệp						
9. Thu tiền sử dụng đất, thu khác						
Các khoản thu phân chia khác do tình quy định						
<b>III. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>15.346.520.204</b>	<b>15.346.520.204</b>	<b>15.346.520.204</b>	<b>15.346.520.204</b>	<b>100,00</b>	<b>143,22</b>
Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	5.868.000.000	5.868.000.000	5.868.000.000	5.868.000.000	100,00	100,00
Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	9.478.520.204	9.478.520.204	9.478.520.204	9.478.520.204		
<b>IV. Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>V. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang (nếu có)</b>	<b>160.123.741</b>	<b>160.123.741</b>	<b>160.123.741</b>	<b>160.123.741</b>		
<b>B. Thu ngân sách xã chưa qua KB</b>						

**TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**  
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)



Đơn vị:

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTP T	TX	Tổng số	ĐTP T	TX	Tổng số	ĐTP T	TX
1	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	6/3	7/4
<b>Tổng chi</b>	<b>15.517.013.182</b>	<b>9.271.013.182</b>	<b>6.246.000.000</b>	<b>17.907.415.613</b>	<b>9.271.013.182</b>	<b>8.636.402.431</b>	<b>115,41</b>	<b>100</b>	<b>138,27</b>
1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	1.107.000.000		1.107.000.000	1.125.625.000		1.125.625.000	102		102
- Chi dân quân tự vệ	615.000.000		615.000.000	615.000.000		615.000.000	100		100
- Chi trật tự an toàn xã hội	492.000.000		492.000.000	510.625.000		510.625.000	104		104
2. Chi giáo dục,	0			0					
4. Chi y tế	0			260.480.000		260.480.000			
5. Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000	155.000.000		155.000.000	443		443
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	25.000.000		25.000.000	100		100
8. Chi sự nghiệp môi trường	0			97.756.600		97.756.600			
9. Chi các hoạt động kinh tế	9.358.013.182	9.271.013.182	87.000.000	9.731.290.586	9.271.013.182	460.277.404	104	100	529
- Giao thông	7.786.239.182	7.786.239.182		7.811.239.182	7.786.239.182	25.000.000		100	
- Nông nghiệp và dịch vụ Nông nghiệp	1.536.774.000	1.484.774.000	52.000.000	1.661.848.800	1.484.774.000	177.074.800	108	100	
- Thị chính	0			0					
- Công nghiệp điện năng	0			223.202.604		223.202.604			
- Các hoạt động kinh tế khác	35.000.000		35.000.000	35.000.000		35.000.000	100		
11. Chi cho công tác xã hội	206.000.000		206.000.000	365.102.000		365.102.000	177		177
- Trợ cấp năng lượng cho các bộ xa huyệ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	196.000.000		196.000.000	222.372.000		222.372.000	113		113
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa	0								
- Trợ cấp xã hội	0								
- Khác	10.000.000		10.000.000	142.730.000		142.730.000	1427		1427
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.664.000.000		4.664.000.000	5.603.048.000		5.603.048.000	120		120
Trong đó: Quỹ lương	942.260.600		942.260.600	842.260.600		842.260.600	89		89
10.1. Quản lý Nhà nước	3.410.739.400		3.410.739.400	5.267.550.000		5.267.550.000	154		154
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	259.000.000		259.000.000	283.498.000		283.498.000	109		109
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	12.000.000		12.000.000	12.000.000		12.000.000	100		100
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	10.000.000		10.000.000	10.000.000		10.000.000	100		100
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	10.000.000		10.000.000	10.000.000		10.000.000	100		100
10.6. Hội Cựu chiến binh	10.000.000		10.000.000	10.000.000		10.000.000	100		100
10.7. Hội Nông dân	10.000.000		10.000.000	10.000.000		10.000.000	100		100
12. Chi khác	0								
13. Dự phòng	122.000.000		122.000.000	122.000.000		122.000.000			
14. Chi chuyển nguồn				271.498.203		271.498.203			
15. Chi nộp trả ngân sách cấp trên				70.655.606		70.655.606			

Tỉnh: Thái Nguyên  
 Thành phố Sông Công  
 Xã Bình Sơn



Biểu số 119/CK TC - NSNN

**QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022**  
 (Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Tên công trình	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/1/20-31/01/2022	Quyết toán năm 2022				
	Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm	Chia theo nguồn vốn		Nguồn đóng góp
						Nguồn cân đối ngân sách		
						Hỗ trợ bằng tiền	Hỗ trợ xi măng	
<b>Tổng số</b>	<b>28.601.994.061</b>	<b>6.183.573.016</b>		<b>9.271.013.182</b>		<b>4.062.063.382</b>	<b>3.334.208.200</b>	<b>1.874.741.600</b>
Điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Bình Sơn	347.954.487			198.440.382		198.440.382		
Cải tạo đường bê tông tứ ngã ba khu trung tâm xã Bình Sơn đi Hồ Ghênh Chè	9.495.704.302	1.899.140.860		419.775.000		419.775.000		
Đường bê tông xóm Phú Sơn, hạng mục mặt đường và cống thoát nước (Đoạn đường bê tông hiện trạng - Công bà Chuông)	269.751.306	107.900.522		123.481.800		51.120.600		72.361.200
Đường bê tông xóm Linh Sơn 1, hạng mục mặt đường và cống thoát nước (Đoạn đường WB3 - đường bê tông hiện trạng)	102.874.540	41.149.816		123.850.500		47.180.100		76.670.400
Đường bê tông xóm Na Vũng, hạng mục mặt đường (Đoạn đường bê tông hiện trạng- cống ông Mão)	557.716.825	223.086.730		243.887.900		96.655.500		147.232.400
Đường bê tông xóm Na Vũng, hạng mục mặt đường (Đoạn nhà ông Thành đến nhà ông Soạn)	291.302.295	116.520.918		147.056.300		59.207.100		87.849.200
Đường bê tông xóm Xuân Dăng 3, hạng mục mặt đường và cống thoát nước (Đoạn đường WB3 - cống ông Hùng)	69.532.616	27.813.046		30.365.300		0		30.365.300



Đường bê tông xóm Tiền Tiến, hạng mục mặt đường ( bê tông hiện trạng công bà Lan)	609.219.371			121.164.000	0	121.164.000	
Đường bê tông xóm Xuân Dăng 3, hạng mục mặt đường ( Đoạn đường bê tông hiện trạng - Đinh dốc đá, công bà Hoa - Công ông Khiêm)	157.759.391	63.103.756		108.693.000	28.866.600	36.349.200	43.477.200
Đường bê tông xóm Bá Văn 5, hạng mục mặt đường và cống thoát nước ( đoạn đường bê tông hiện trạng - cánh đồng sa)	159.903.543	63.961.417		109.252.000	28.016.700	37.534.500	43.700.800
Đường bê tông xóm Kim Long 1, hạng mục mặt đường và cống qua đường (đoạn từ quán ông Lực đến công nhà ông Bảo)	305.144.284	122.057.714		211.961.000	59.219.400	67.957.200	84.784.400
Đường bê tông xóm kim Long 2, hạng mục mặt đường và cống thoát nước (Đoạn đồng nhà ông Hào - ngã ba bãi cã)	644.404.441	257.761.776		454.263.000	177.328.500	140.655.600	136.278.900
Đường bê tông xóm kim Long 2, hạng mục mặt đường và cống thoát nước (từ đường bê tông hiện trạng - đồng nhà ông Hào)	703.358.539	281.343.416		474.939.000	169.149.300	163.308.000	142.481.700
Đường bê tông xóm Phú Sơn, hạng mục mặt đường ( đoạn từ Đường bê tông hiện trạng - cánh đồng Độc Hào)	263.504.582	105.401.833		188.450.000	57.229.200	55.840.800	75.380.000
Đường bê tông xóm Phú Sơn, hạng mục mặt đường (Đoạn đường bê tông hiện trạng - công nhà ông Hùng)	102.874.540	41.149.816		73.491.000	0	24.101.100	49.389.900
Đường bê tông xóm Tân Tiến, hạng mục mặt đường và cống thoát nước ( đoạn đường WB3 - công ông Anh)	530.014.756	212.005.902		379.960.000	135.852.400	130.119.600	113.988.000
Đường bê tông xóm Tiên Tiến, hạng mục mặt đường và cống thoát nước (Từ ngả tràn nhà ông Nguyễn đi đường Bê tông đi xã Phúc Tân)	512.864.685	205.145.874		348.942.000	131.655.900	112.603.500	104.682.600
Đường bê tông xóm Tiên Tiến, hạng mục mặt đường và cống thoát nước ( đoạn từ ngã ba NVH Tân Sơn cũ đi ngả tràn nhà ông Nguyễn)	1.109.941.887	443.976.755		735.558.000	269.796.900	245.093.700	220.667.400
Đường bê tông xóm Bình Định 2, hạng mục mặt đường và cống thoát nước ( Đoạn đường bê tông hiện trạng - công ông Hải)	86.508.591	34.603.436		20.281.800	0	20.281.800	

Mương đồng Cây Rành - xóm Bá Vân 1-	224.236.114	89.694.446		155.211.000		108.647.700		46.563.300
Mương đồng ba rặng xóm Bá Vân 1	373.552.052	149.420.821		262.821.000		183.974.700		78.846.300
Kênh Mương nổi đồng từ trạm bơm xóm Bá Vân 1 đi xóm Bình Định - Xã Bình Sơn	494.178.354	197.671.342		434.858.000		304.400.600		130.457.400
Mương tổng chân chim xóm Xuân Đăng 1- Xã Bình Sơn	132.210.180			120.494.000		84.345.800		36.148.200
Mương đồng Na háo xóm Xuân Đăng 1- Xã Bình Sơn	214.083.635			192.451.000		134.715.700		57.735.300
Đường bê tông xóm Linh Sơn 1, xã Bình Sơn, hạng mục mặt đường và công thoát nước đoạn nghĩa trang Vai Hồng - công ông Tuấn	784.354.117			184.616.320		0	184.616.320	
Đường bê tông xóm Bá Vân 4, xã Bình Sơn, hạng mục mặt đường và công thoát nước ( đoạn bê tông hiện trạng - cánh đồng Năm)	442.759.597			90.828.000		90.828.000		
Đường bê tông xóm Na Vũng, xã Bình Sơn, hạng mục mặt đường và công thoát nước đoạn cầu 1 đi nghĩa trang Vai Hồng	478.402.606			110.070.080		0	110.070.080	
Sửa chữa mương trạm bơm Xuân Đăng 2, Xã Bình Sơn	221.613.690			118.539.000		82.977.300		35.561.700
Mương đồng Cây Cốc xóm Xuân Đăng 2, xã Bình Sơn	127.699.929			200.400.000		140.280.000		60.120.000
Đường bê tông xóm Kim Long 2, xã Bình Sơn, hạng mục mặt đường và công thoát nước ( Đoạn công ông Toàn - đường bê tông đi xóm Lát Đá)	405.521.901			97.286.880		0	97.286.880	
Đường bê tông xóm Tiền Tiến ( Đoạn từ ngã ba bà Sứ đi Khe Lim)	2.966.073.802			1.502.828.640		1.002.400.000	500.428.640	

Dường bê tông xóm Bà Văn 5, xã Bình Sơn, hàng mục mặt đường và công thoát nước( Đoàn đường WB3- đường bê tông hiện trạng)	572.578.630	136.040.160	0	136.040.160
Dường bê tông xóm Phú Sơn, xã Bình Sơn, hàng mục mặt đường ( Đoàn bê tông hiện trạng - Đồng Bò Bãi)	222.884.968	52.882.080	0	52.882.080
Dường bê tông xóm Phú Sơn, xã Bình Sơn, hàng mục mặt đường đoàn đường bê tông hiện trạng - Đồng Đèo Ngang	382.610.972	87.194.880	0	87.194.880
Dường bê tông xóm Bà Văn 1, xã Bình Sơn, hàng mục mặt đường và công thoát nước( Đoàn nhà văn hoá xóm Bà Văn 1 - Công bà Sang)	366.115.750	90.828.000	0	90.828.000
Dường bê tông xóm Xuân Dăng II, xã Bình Sơn, hàng mục mặt đường ( Đoàn bê tông hiện trạng - Đồng Cầu tre)	121.125.734	29.064.960	0	29.064.960
Dường bê tông xóm Xuân Dăng 2, xã Bình Sơn, hàng mục mặt đường đoàn đường bê tông hiện trạng - Đồng La Thác	118.559.765	28.526.720	0	28.526.720
Dường bê tông xóm Lát Đà xã Bình Sơn, hàng mục mặt đường và công thoát nước đoạn Nhà văn hoá xóm Lát Đà di xóm Bà Văn 4	876.135.388	212.604.800	0	212.604.800
Dường bê tông xóm Tiên Tiên xã Bình Sơn, hàng mục mặt đường đoàn ngã ba nhà bà Sư di ngã ba công bà Mía	620.221.072	146.670.400	0	146.670.400
Dường bê tông xóm Tiên Tiên xã Bình Sơn, hàng mục mặt đường đoàn ngã ba công nhà bà Mía di Hồ Ghênh Chè	619.487.576	155.013.120	0	155.013.120
Dường bê tông xóm Bà Văn 3, xã Bình Sơn, hàng mục mặt đường ( Đoàn bê tông hiện trạng - công ông Doãn)	136.015.335	32.967.200	0	32.967.200
Dường bê tông xóm Bà Văn 3, xã Bình Sơn, hàng mục mặt đường ( Đoàn bê tông hiện trạng - công ông Hoà)	134.875.243	32.967.200	0	32.967.200



Đường bê tông xóm Trung Tâm HM mặt đường và cống ( đoạn BTHT - đồng Trúng rùa)	294.642.123	117.856.849		68.356.480		0	68.356.480
Cải tạo đường bê tông xóm Phú Sơn	246.707.838	98.683.135		45.212.160		0	45.212.160
Đường bê tông xóm Bình Định 3, hạng mục mặt đường và cống thoát nước ( Đoạn nghĩa trang xóm Bình Định 3 đi cầu Bình Định)	705.012.709	282.005.084		168.469.120		0	168.469.120





Tỉnh: Thanh Phước  
 Thành phố Sông Công  
 Xã Bình Sơn

**BIỂU TONG HOP THU CHI CAC HOAT DONG TAI CHINH KHAC NAM 2022**  
 Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê duyệt

Biểu số 120/CK TC - NSNN

DVT: đồng

Nội dung	KH năm 2022		Thực hiện 2022		
	Thu	Chi	Chênh lệch(+)(-)	Thu	Chi
Tổng số	398.083.003	398.083.003	0	368.583.003	354.759.123
I. Các quỹ công chuyên dùng	121.579.800	121.579.800	0	89.079.800	75.255.920
- Trẻ thọ	23.765.000	23.765.000		23.765.000	22.341.120
- Khuyến học	10.000.000	10.000.000	0	10.000.000	9.800.000
- Phòng chống thiên tai	8.014.800	8.014.800		8.014.800	8.014.800
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	10.000.000	10.000.000	0	10.000.000	8.800.000
- Quỹ vì người nghèo	29.000.000	29.000.000	0	29.000.000	25.400.000
- Quỹ Da cam	10.000.000	10.000.000	0	10.000.000	7.800.000
- Quỹ Người cao tuổi	20.800.000	20.800.000	0	20.800.000	16.900.000
- Nhân đạo	10.000.000	10.000.000	0	10.000.000	8.700.000
2. Các hoạt động sự nghiệp	276.503.203	276.503.203	0	279.503.203	279.503.203
- Thu phí vệ sinh môi trường	276.503.203	276.503.203	0	279.503.203	279.503.203



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ BÌNH SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Sơn, ngày 7 tháng 8 năm 2023

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022**

*Căn cứ Luật ngân sách Nhà Nước ban hành năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà Nước;*

*Căn cứ Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà Nước*

*Căn cứ vào quyết định số: 3889/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND Thành phố Sông Công về việc giao kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội thành phố Sông Công năm 2022 UBND xã thuyết minh báo cáo tài chính năm 2022, cụ thể như sau:*

### **I. Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022.**

#### **1. Kết quả thu ngân sách nhà nước năm 2022.**

##### *1.1 Thu ngân sách Nhà nước.*

#### **1. Thu ngân sách:**

##### *1.1 Thu ngân sách Nhà nước.*

Tổng thu ngân sách nhà nước theo phân cấp năm 2022 là: 2.128.983 nghìn đồng/1.113.000 đồng đạt 191% so với kế hoạch giao đầu năm.

Trong đó:

Thu ngoài quốc doanh đạt 68.644 nghìn đồng bằng 85,81% so kế hoạch, thu trước bạ bằng 371.937 nghìn đồng đạt 247,96% so với kế hoạch, thu thuế thu nhập cá nhân bằng 1.338.679 nghìn đồng đạt 253,2% so kế hoạch, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 224.252 nghìn đồng đạt 131,9% so kế hoạch, thu phí và lệ phí bằng 58.979 nghìn đồng đạt 75,6% so với kế hoạch, thu biện pháp tài chính bằng 66.492 nghìn đồng đạt 100% so với kế hoạch.

##### *- 1.2 Thu ngân sách xã.*

Tổng thu ngân sách xã năm 2022 xã Bình Sơn là: 17.916.094 nghìn đồng

Trong đó:

*Trong đó:*

- Thu cân đối trong ngân sách	498.344 nghìn đồng
-Thu bổ sung cân đối từ thành phố	5.868.000 nghìn đồng
-Thu bổ sung có mục tiêu	9.478.520 nghìn đồng
- Thu nhân dân đóng góp XDCHT	1.874.741 nghìn đồng

- Thu chuyển nguồn năm 2021 160.123 nghìn đồng
- Thu kết dư ngân sách năm 2021: 36.366 nghìn đồng

## **2. Kết quả chi ngân sách Nhà nước năm 2022.**

**Tổng chi ngân sách: 17.907.415 nghìn đồng**

*Trong đó:*

- Chi thường xuyên: 6.160.656 nghìn đồng
- Chi nhân dân đóng góp XDCSHT: 1.874.741 nghìn đồng
- Chi bổ sung có mục tiêu: 9.478.520. nghìn đồng
- Chi dự phòng: 122.000 nghìn đồng
- Chi chuyển nguồn 271.498 nghìn đồng

## **3. Kết dư ngân sách Nhà nước năm 2022.**

Kết dư ngân sách năm 2022: 9.683 nghìn đồng là nguồn chi thường xuyên năm 2022.

## **II. Thuyết minh một số khoản thu, chi chủ yếu**

### **1. Thu ngân sách năm 2022.**

#### *1.1 Đánh giá chung.*

Nhìn chung thu ngân sách xã năm 2022 còn gặp nhiều khó khăn nhất định nhưng được sự quan tâm của thành phố và sự chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND và sự điều hành quyết liệt, kịp thời, hiệu quả của UBND xã, sự phối hợp chặt chẽ giữa UBMTTQ và các ngành đoàn thể nên hầu hết các chỉ tiêu giao thu trong năm đều đạt và vượt kế hoạch được giao đầu năm (thu trước bạ nhà đất đạt 247,96%, thu thuế phi nông nghiệp đạt 131,9%; thu thuế thu nhập cá nhân đạt 253,2%).

Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn một chỉ tiêu chưa hoàn thành so kế hoạch đề ra cụ thể là chỉ tiêu thu ngoài quốc doanh chỉ đạt 85,81% do năm 2022 vẫn là năm chịu ảnh hưởng của dịch Covid 19 kéo theo đó là các cửa hàng, dịch vụ kinh doanh phải dừng hoạt động từ đó ảnh hưởng lớn đến kinh tế của địa phương. Chỉ tiêu Phí, lệ phí chỉ đạt 75,6% do theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định giảm 50% lệ phí hộ tịch đối với những thủ tục hành chính được thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến dẫn đến các chỉ tiêu này không đạt so với kế hoạch đề ra.

#### *1.2 Đánh giá các chỉ tiêu thu chủ yếu.*

Tổng thu ngân sách nhà nước theo phân cấp năm 2022 là: 2.128.983 nghìn đồng/1.113.000 đồng đạt 191% so với kế hoạch giao đầu năm. Trong đó:

Thu ngoài quốc doanh đạt 68.644 nghìn đồng bằng 85,81% so kế hoạch, thu trước bạ bằng 371.937 nghìn đồng đạt 247,96% so với kế hoạch, thu thuế thu nhập cá nhân bằng 1.338.679 nghìn đồng đạt 253,2% so kế hoạch, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 224.252 nghìn đồng đạt 131,9% so kế hoạch, thu phí và lệ phí bằng 58.979 nghìn đồng đạt 75,6% so với kế hoạch, thu biện pháp tài chính bằng 66.492 nghìn đồng đạt 100% so với kế hoạch.

## **2. Chi ngân sách năm 2022.**

### *2.1 Đánh giá chung.*

UBND xã đã tổ chức quản lý chặt chẽ các khoản chi, chi tiêu đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng chế độ, thực hiện theo đúng luật ngân sách Nhà nước ban hành, ưu tiên chi chế độ, tiền lương, phụ cấp và các khoản chi trợ cấp khác. Thanh toán các khoản chi cho mục đích đầu tư phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, cơ bản các khoản chi được chi trả kịp thời đúng định mức và đúng đối tượng.

Bên cạnh việc cân đối thu chi ngân sách để đảm bảo các khoản chi của địa phương, do năm 2021 phải tập trung chi phục vụ công tác phòng chống dịch Covid 19 và dịch tai xanh, tả châu phi, lở mồm long móng, viêm gia nòi cục trên đàn gia súc và là năm diễn ra nhiều sự kiện lớn nên có nhiều khoản chi phát sinh cũng khiến cho Ban tài chính gặp phải những khó khăn nhất định trong việc cân đối các khoản chi thường xuyên của xã.

## 2.2 Đánh giá các chỉ tiêu thu chủ yếu.

Tổng chi ngân sách nhà nước năm 2022 xã Bình Sơn là: 17.907.415 nghìn đồng

Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển bằng 9.271.013 nghìn đồng ( Chi thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành cho các công trình trong đó 6 công trình được chi bằng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới )

- Chi thường xuyên bằng 8.636.402 nghìn đồng, đây là khoản chi chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi ngân sách địa phương, chủ yếu là khoản chi lương, phụ cấp cho cán bộ, cán bộ không chuyên trách xã, chi công hợp đồng và các nhiệm vụ chi của địa phương, góp phần ổn định chính trị và phát triển kinh tế của xã cụ thể gồm một số nguồn chi như sau:

+ Chi cho Quốc phòng, an ninh: 1.125.625 nghìn đồng, nội dung chi chủ yếu là chi trả lương, phụ cấp cho lực lượng công an, quân sự, chi cho huấn luyện dân quân tự vệ theo pháp lệnh dân quân tự vệ, chi hỗ trợ cho lực lượng an ninh quân sự trực tuần tra đảm bảo an ninh trật tự đảm bảo an toàn xã hội của địa phương...

+ Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: 5.603.048 nghìn đồng, nội dung chi chủ yếu là lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương, tiền công lao động hợp đồng và các khoản chi phục vụ cho hoạt động của Đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc, hội phụ nữ, hội nông dân, hội cựu chiến binh, đoàn thanh niên,...

+ Sự nghiệp kinh tế: 460.277 nghìn đồng, nội dung chi chủ yếu là chi phục vụ cho tổ thủy nông, tổ chức tập huấn, tuyên truyền cho nhân dân về các mô hình, về Nông thôn mới, hỗ trợ cho các gia đình có gia súc bị thiêu huỷ, ...

+ Sự nghiệp văn hoá, thể dục thể thao: 25.000 nghìn đồng, nội dung chi là chi cho các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao trên địa bàn xã...

+ Đảm bảo xã hội: 365.102 nghìn đồng, nội dung chi chủ yếu là chi phụ cấp cán bộ hưu xã, tiền chúc mừng thọ cho các cụ người cao tuổi.

+ Sự nghiệp môi trường: 97.756 nghìn đồng, chi tiền công cho công nhân thu gom rác, bốc xếp rác, tiền BHYT và bảo hộ lao động cho công nhân thu gom rác thải cho 12 tổ thu gom trên địa bàn xã.

### **3. Nhận xét, đánh giá.**

Nhìn chung, được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng ủy, UBND và sự phối hợp của các cấp, các ngành, sự đồng thuận của các tổ chức, cá nhân; công tác quản lý thu, chi ngân sách năm 2022 đạt theo kế hoạch trên giao, từng bước ổn định và đi vào nền nếp, đúng Luật ngân sách nhà nước.

Công tác quản lý thu ngân sách Nhà nước đã được xác định cụ thể cho từng nguồn thu, từng loại thuế phát sinh trên địa bàn, trên cơ sở tích cực chủ động khai thác tốt mọi nguồn thu nhằm tăng thu cho ngân sách Nhà nước; mặt khác cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng đã tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn xã; cơ sở hạ tầng được nâng lên, giao thông phát triển tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa, góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

Công tác quản lý chi ngân sách Nhà nước được các cấp, các ngành tổ chức thực hiện tốt từ khâu lập đến điều hành dự toán; tập trung theo dõi, bám sát dự toán chi ngân sách theo định mức Nghị quyết HĐND tỉnh; trong điều hành chi ngân sách, các ngành, các cấp đã bám sát dự toán chi, quản lý, điều hành kinh phí bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả. Ngoài nhiệm vụ chi thường xuyên, xã đã chủ động bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất phát sinh như: đảm bảo an sinh - xã hội, phòng, chống dịch bệnh, thiên tai, bảo vệ an ninh, quốc phòng.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi cơ bản trong công tác quản lý thu, chi ngân sách Nhà nước, vẫn còn một số khó khăn nhất định như:

Số lượng Doanh nghiệp trên địa bàn ít, số lượng Doanh nghiệp ngưng nghỉ kinh doanh tăng so với cùng kỳ; tình hình thiên tai, dịch bệnh chăn nuôi gia súc diễn biến phức tạp, kéo dài từ đó tác động làm giảm nguồn thu ngân sách. Đặc biệt năm 2022 là năm vẫn còn chịu nhiều ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 tác động làm ảnh hưởng lớn đến thu, chi ngân sách của địa phương

Mặc dù còn tồn tại những khó khăn, thách thức nhưng nhìn chung, công tác quản lý, điều hành ngân sách năm 2022 của xã đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, giảm nghèo, đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng và an ninh địa phương./.

**BIÊN BẢN**

**V/v Niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2022**

Thời gian bắt đầu từ 8 giờ, ngày 7 tháng 8 năm 2023

Địa điểm: Tại UBND xã Bình Sơn.

Thành phần gồm:

1. Ông Nguyễn Hoài Phương – CT UBND xã
2. Ông Dương Văn Hải - Bí thư Đảng ủy - CT HĐND
3. Ông Lý Văn Bằng – Chủ tịch UBND xã
4. Bà Nguyễn Thu Hiền – CB văn phòng thống kê - Thư ký
5. Bà Phạm Thị Hảo – CB kế toán ngân sách

Cùng nhau tiến hành lập biên bản niêm yết công khai quyết toán năm 2022 đã được HĐND xã phê chuẩn.

Việc niêm yết được thực hiện liên tục trong thời gian là 30 ngày.

Biên bản được lập và niêm yết xong vào hồi 10 giờ 30 phút cùng ngày, các thành phần có tên trên đều nhất trí.

**NGƯỜI GHI BIÊN BẢN**



**Nguyễn Thu Hiền**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hoài Phương**